TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG TRẠCH** TỈNH QUẢNG BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/DS-ST
Ngày: 23 - 10 -2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng góp họ

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Ngọc

2. Ông Nguyễn Xuân Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2018/TLST-TCDS ngày 10/8/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp họ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST-TCDS ngày 04 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; địa chỉ: thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

2. Bị đơn:

Ông Lê Quốc N, sinh năm 1970; Địa chỉ: thôn D1, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

Bà Trần Thị Hồng M, sinh năm 1961; Địa chỉ: thôn D2, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết từ trước nên giữa bà và ông Lê Quốc N, bà Trần Thị Hồng M có thỏa thuận chơi họ có tính lãi, việc chơi họ đã được hai năm và đến kỳ mở họ thì ông N hoặc bà M mang tiền gốc và lãi đến cho bà. Hàng ngày ông N hoặc bà M đi thu và bà đã nộp tiền. Theo đó, từ ngày 21/12/2015 (âm lịch) đến 20/3/2016 (âm lịch) là 03 tháng 05 ngày, bà H đã nộp cho ông N và bà M 01 ống họ theo ngày, mỗi ngày 100.000 đồng. Tổng số tiền mà bà H đã nộp cho ông N và bà M là 9.500.000 đồng. Trong đó tiền lãi là 1.500.000 đồng. Đến ngày 20/3/2016, ông N, bà M tuyên bố vỡ họ nên không trả lại số tiền trên cho bà H.

Bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Quốc N và bà Trần Thị Hồng M phải trả cho bà phải trả cho bà H một lần với tổng số tiền nợ họ là 8.000.000 đồng. Bà H không yêu cầu ông N, bà M phải trả số tiền lãi 1.500.000 đồng.

- Tại bản tự khai ngày 11/9/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Trần Thị Hồng M và ông Lê Quốc N thống nhất trình bày:

Ông N và bà M thừa nhận là do có mối quan hệ quen biết từ trước nên giữa ông bà và bà Nguyễn Thị H có thỏa thuận chơi họ có tính lãi, việc chơi họ đã kéo dài nhiều năm. Bà H đã đóng 01 ống họ theo ngày, mỗi ngày 100.000 đồng từ ngày 21/12/2015 (âm lịch) đến 25/3/2016 (âm lịch).

Tổng số tiền họ mà bà H đã đóng cho ông N và bà M là 9.500.000 đồng, bà H không yêu cầu ông N và bà M trả 1.500.000 đồng tiền lãi, ông bà thừa nhận còn nợ tiền họ của bà H là 8.000.000 đồng.

Ông N và bà M trình bày đang gặp hoàn cảnh khó khăn do bị vỡ họ nên không có khả năng thanh toán một lần số tiền 8.000.000 đồng mà có nguyện vọng xin bà H cho ông bà được trả dần.

Ông N và bà M thừa nhận sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2007 nhưng không có đăng ký kết hôn.

Ngày 20/9/2018, Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Q kết quả thể hiện: Tại hồ sơ lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã Q không thể hiện việc đăng ký kết hôn giữa ông Lê Quốc N và bà Trần Thị Hồng M.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán cũng như của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án

cho đến quá trình xét xử đều thực hiện đúng các quy định tại Điều 48, 51, 70, 71, 72, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch không có kiến nghị đối với vụ án này. Về nội dung vụ án: áp dụng Điều 479, Điều 298 Bộ luật dân sự năm 2005, buộc ông Lê Quốc N và bà Trần Thị Hồng M phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ họ 8.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị H. Ông N và bà M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn bà Trần Thị Hồng M có nơi cư trú tại thôn D2, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình và ông Lê Quốc N có nơi cư trú tại thôn D1, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. Bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Lê Quốc N và bà Trần Thị Hồng M trả cho bà số tiền nợ họ là 8.000.000 đồng do vậy Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng góp họ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ Luật tố tụng dân sự và Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005.

[2] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về việc buộc ông N và bà M thanh toán số tiền họ là 8.000.000 đồng: Giữa ông N, bà M và bà Nguyễn Thị H đã phát sinh giao dịch dân sự góp họ, ông N bà M là chủ họ, bà H là thành viên tham gia. Việc thỏa thuận hợp đồng góp họ giữa hai bên tuy không có xác lập bằng văn bản nhưng có giấy biên nhận giao họ và tại bản tự khai, biên bản hòa giải tại Tòa án; ông N và bà M đều xác nhận hiện nay còn nợ bà H số tiền họ là 8.000.000 đồng. Do các bên đã tự nguyện giao kết hợp đồng dân sự góp họ, cụ thể là họ có lãi nên theo quy định tại Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 17 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về Họ, hụi, biêu, phường. Ông N và bà M là chủ họ đã vi phạm nghĩa vụ và theo quy định tại Điều 15, 29 của Nghị định 144/2006/NĐ-CP thì ông N và bà M là chủ họ phải có nghĩa vụ trả lại cho bà H số tiền họ còn nợ là 8.000.000 đồng. Do bà H không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông Lê Quốc N và bà Trần Thị Hồng M thừa nhận sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2007 nhưng theo biên bản xác minh ngày 20/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch tại Ủy ban nhân dân xã Q thể hiện ông N và bà M không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy, ông N và bà M phải chịu nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà H đối với khoản nợ 8.000.000 đồng theo Điều 298 của Bộ luật dân sự năm 2005. Theo đó, ông N và bà M mỗi người phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ họ là 4.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận vì vậy ông Lê Quốc N và bà Trần Thị Hồng M phải liên đới chịu toàn bộ án phí vụ kiện. Ông N và bà M mỗi người phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Xét ông N và bà M có đơn xin giảm án phí, đơn trình bày có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và gặp sự kiện bất khả kháng có xác nhận của UBND xã Q nên áp dụng Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án giảm 50% mức án phí mà ông Lê Quốc N và bà Trần Thị Hồng M phải chịu. Như vậy, ông N và bà M mỗi người phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 479, Điều 298 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Khoản 1 Điều 13, Khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Lê Quốc N và bà Trần Thị Hồng M phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ họ là 8.000.000 đồng, theo phần mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Lê Quốc N và bà Trần Thị Hồng M còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Về án phí: Ông Lê Quốc N và bà Trần Thị Hồng M mỗi người phải nộp 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch theo biên lai số 0001127 ngày 08/8/2018.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/10/2018).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương